TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS -ST
Ngày:19 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Chinh

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: ông Trần Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: ông Đỗ văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo

Võ Anh H – Sinh ngày 20/12/1992.

Nơi cư trú: xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Võ Nguyên H, sinh năm 1970; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Tiền án: Ngày 15/4/2016 bị TAND quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2019 đến 10/7/2019 chuyển tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: ông Phạm Phúc C, sinh năm 1956
Nơi cư trú: xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:

*. chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

Nơi cư trú: xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi liên quan:

*. anh Võ Nguyên H1 - sinh năm 1970

Nơi cư trú: xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng:

*. anh Đinh Văn H2, sinh năm 1982

Nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. anh Nguyễn Duy H3, sinh năm 1971

Nơi cư trú: xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. anh Đinh Văn H4 - sinh năm 1991

Nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. chị Nguyễn Thị Hoài N, sinh năm 1977

Nơi cư trú: xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. anh Hoàng Thọ V, sinh năm 1971

Nơi cư trú: tổ 18, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982

Nơi cư trú: tổ 18, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. anh Nguyễn văn H5, sinh năm 1976

Nơi cư trú: xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. chị Nguyễn Thị H6, sinh năm 1980

Nơi cư trú: khu 6, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định.

*. chị Phạm Thị T2, sinh năm 1985

Nơi cư trú: xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

*. chị Phạm Thu P, sinh năm 1974

Nơi cư trú: xóm 5, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

*. chị Đặng Thị T3, sinh năm 1981

Nơi cư trú: xóm 4, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

*. chị Vũ Thị T4, sinh năm 1983

Nơi cư trú: xóm 20, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

Anh H1, anh H2, anh H3, chị N, anh V, anh T1, anh H4, chị H5, chị T2, chị P, chị T3, chị T4 và chị H6 vắng mặt. Ông H, ông C có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do sống gần cửa hàng vàng C H của anh Phạm Phúc C ở xóm 1, xã X nên Võ Anh H biết cửa hàng buổi tối thường khóa cửa và không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà trộm cắp tài

sản để tiêu sài cá nhân. Khoảng 01 giờ ngày 27/6/2019 H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu đỏ đen, biển kiểm soát 30L6 – 0690 đến cửa hàng C H để quay đầu xe ra hướng mặt đường. H mở cốp lấy 01 đôi găng tay y tế đeo vào tay, mặc áo chống nắng kéo mũ trùm đầu, đeo khẩu trang và kính sau đó lấy tô vít dài khoảng 15cm cạy cửa cuốn nhưng không được. H đến nhà dân đang xây dựng gần đó lấy thanh sắt phi 18 dài khoảng 60cm có một đầu dẹp và 06 viên gạch đỏ kích thước (20 x 10) cm đem về cửa hàng. H dùng thanh sắt bẩy cửa cuốn rồi lấy gạch chèn vào. Đẩy khoảng 10cn thì không đẩy được nữa, H ra ra khu vực trường THCS X lấy được đoạn tre dài 3,8mét đường kính 10cm về vừa bẩy cửa vừa chèn gạch. Khi chèn được mỗi bên 3 hàng gạch thì H chui qua khe hở vào cửa hàng. Thấy quầy hàng kính không khóa, bên trong có nhiều dây chuyền, lắc tay, bông tai và nhẫn vàng, bạc , H mở ngăn kéo tủ thấy có tiền loại 5000đ, 2000đ, 1000đ nên vơ bỏ vào túi quần. Sau đó H mở quầy lấy tổng cộng 86,6 chỉ vàng, 817 chỉ bạc các loại cho vào túi quần và hộp nhựa kích thước (0,9 x 20 x 13) cm rồi theo lối cũ ra ngoài. Tô vít và thanh sắt H vất xuống sông gần đó. Găng tay, áo chống nắng, kính mắt, khẩu trang H bỏ vào túi bóng để khu gom rác trước cửa nhà. Vàng, bạc trộm được thì giấu ở đống gạch cạnh nhà.

Ngày 28/6/2019 H bán cho anh Đinh Văn H2 chủ cửa hàng vàng bạc K C, xã H, huyện H 01 đôi bông tai vàng, 02 nhẫn vàng, 02 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, . Tổng 5,7 chỉ được 8.960.000đ.

Ngày 29/6/2019 H bán cho anh Nguyễn Văn H5 chủ cửa hàng vàng bạc T H ở xóm 2, xã X, huyện X 01 dây chuyền bạc 28 chỉ được 1.140.000đ. Bán cho anh Hoàng Thọ V chủ cửa hàng vàng bạc H V ở tổ 18, thị trấn X 01 dây chuyền bạc 22 chỉ được 880.000đ. Bán cho anh Nguyễn Văn T1 chủ cửa hàng vàng bạc T H ở tổ 18, thị trấn X 01 dây chuyền, 01 lắc bạc tổng là 71 chỉ được 3.200.000đ. Bán cho chị Nguyễn Thị Hoài N chủ cửa hàng vàng bạc T S ở xóm 14, xã X 01 dây chuyền bạc 22 chỉ được 900.000đ.

Ngày 30/6/2019 H bán cho chị Vũ Thị T4 chủ cửa hàng vàng bạc H P ở xóm 20, xã T 01 nhẫn vàng được 1.200.000đ. Bán cho chị Đặng Thị T3 chủ cửa hàng vàng bạc P T ở xóm 4, xã X 01 nhẫn vàng, 1,07 chỉ và 01 dây chuyền bạc 30 chỉ được 2.852.000đ. Bán cho chị Phạm Thu P chủ cửa hàng vàng bạc X Q ở xóm 5, xã H, huyện G 01 dây chuyền bạc 18,4 chỉ và 6,6 chỉ vàng bao gồm 03 nhẫn, 02 lắc, 01 đôi bông tai, 01 dây chuyền được 10.300.000đ. Bán cho chị Phạm Thị T2 chủ cửa hàng vàng bạc M T ở xóm 5, xã H, huyện G 01 nhẫn vàng, 02 đôi bông tai vàng và 02 dây chuyền vàng tổng là 11 chỉ được 12.930.000đ. bán cho chị Nguyễn Thị H6 là chủ cửa hàng vàng bạc Q T ở khu 6, thị trấn N, huyện G 01 lắc vàng, 02 đôi bông tai vàng, 02 mặt dây chuyền vàng, 02 dây chuyền vàng được 10.420.000đ.

Sau khi nhận được đơn trình báo gia đình bị hại Công an huyện đã tiến hành khám nghiệm hiện trường thu được đoạn tre đường kính 10cm dài 3,8 mét; 06 viên gạch đỏ kích thước(20 x 10)cm loại 2 lỗ. Khám xét nhà H thu được 01 xe mô tô BKS 30L6-0690 nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen xám; 01 đăng ký xe mô tô số

010006 cấp cho BKS 30L6-0690 mang tên Nguyễn Thượng H; 01 đôi găng tay y tế; 01 ba lô màu đen; 01 hộp nhựa kích thước (0,9 x 20 x 13)cm; 01 mũ bảo hiểm nửa đầu có kính màu xanh dương; 01 giấy mua bán vàng ghi ngày 30/6/2019 tên cửa hàng Q T; 27 nhẫn vàng; 18 dây chuyền vàng; 82 khuyên tai vàng; 16 mặt dây chuyền vàng; 140 dây chuyền bạc (có 01 dây chuyền bạc của H mua từ trước); 02 lắc bạc; 215.000đ tiền Việt Nam. H tự giác giao nộp khi cơ quan điều tra triệu tập 01 nhẫn vàng đính đá đen 1,97 chỉ; 01 dây bạc 27,6 chỉ; và 2.929.000đ tiền Việt Nam.

Trong quá trình điều tra chị H được ông C ủy quyền nhận lại 80,9 chỉ vàng, 789 chỉ bạc, 01 chiếc hộp nhựa và 215.000đ do cơ quan điều tra đã thu giữ được. Anh Hoàng Thọ V; anh Nguyễn Văn T1; chị Nguyễn Thị Hoài N; chị Vũ Thị T4; chị Đặng Thị T3; chị Phạm Thu P; chị Nguyễn Thị H6; chị Phạm Thị T2 đã tự nguyện giao số vàng, bạc đã mua của Hào cho cơ quan điều tra huyện Xuân Trường. Ông H là bố H đã hoàn trả tiền cho những người trên, họ không yêu cầu gì thêm. Số vàng, bạc H bán cho anh Đinh Văn H2 và anh Nguyễn Văn H5 hiện đã bán cho khách nên không thu hồi về được. Chiếc tô vít và thanh sắt H vất xuống sông không tìm được, đôi găng tay, áo chống nắng, kính mắt, khẩu trang H bỏ khu gom rác đã bị thu gom đi không tìm lại được.

Tổng tài sản H trộm cắp tại cửa hàng H C là 196.930.000 đồng bao gồm 86,6 chỉ vàng loại 10Ktrị giá 159.950.000đ và 817 chỉ bạc trị giá 36.765.000đ và 215.000đ tiền mặt Việt Nam đồng.

Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định truy tố Võ Anh H về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 điều 173 BLHS.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị tuyên bố Võ Anh H phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Võ Anh H từ 04 năm 6 tháng tù đến 05 năm tù. Tổng hợp với 36 tháng tù của bản án số 83/2016/HSST ngày 15/4/2016 của TAND quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội buộc Võ Anh H chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 07 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu cho tiêu hủy 01 đoạn tre, 06 viên gạch đỏ; 01 ba lô màu đen, Riêng số tiền 2.920.000 đ đã thu của H do bán tài sản trộm cắp mà có đề nghị HĐXX căn cứ điều 47 BLHS để xử lý Trả lại ông Võ Nguyên H chiếc xe mô tô BKS 30L6-0690 nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen xám; 01 đăng ký xe mô tô số 010006 cấp cho BKS 30L6-0690 mang tên Nguyễn Thượng H; Trả lại Võ Anh H 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc có gắn mặt trang trí màu xanh lục, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi găng tay y tế nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ngày 04/11/2019).

Trong quá trình tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến gì thêm đối với bài luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức rõ sai phạm. Bị hại đề nghị để đảm bảo an ninh chung mong Hội đồng xét xử xử đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền và lợi ích liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Những người được xác định là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong quyết định đưa vụ án ra xét xử(trừ ông Võ Nguyên H) nay đều không yêu cầu H bồi hoàn nên họ sẽ là người làm chứng trong vụ án.

[2]. Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 7 giờ ngày 27/6/2019; Biên bản khám xét khẩn cấp nơi ở của Võ anh H hồi 22 giờ ngày 01/7/2019 của cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường; Các biên bản thu giữ tài sản nơi bị cáo bán; Kết luận định giá tài sản ngày 14/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuân Trường; Lời khai của bị hại Phạm Phúc C, người làm chứng Đinh Văn H2, Nguyễn Thị Hoài N; Hoàng Thọ V; Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn H5; Nguyễn Thị H6; Phạm Thị T2; Phạm Thu P; Đặng Thị T3; Vũ Thị T4; Từ các chứng cứ trên đã đủ cơ sở kết luận Võ Anh H có hành vi lợi dụng cửa hàng vàng bạc C H không có người trông coi đêm nên đã lén lút cậy cửa vào lấy đi số vàng, bạc các loại cùng tiền mặt tổng trị giá là 196.930.000 đồng bao gồm 86,6 chỉ vàng loại 10Ktrị giá 159.950.000đ và 817 chỉ bạc trị giá 36.765.000đ và 215.000đ tiền Việt Nam đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm. Không những đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân đang được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây sự lo âu hoang mang trong nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, sau khi

phạm tội bị cáo đã đề nghị điều tra viên chuyển lời của bị cáo tới gia đình bị cáo giúp bị cáo khắc phục hậu quả . Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Ngày 15/4/2016 bị cáo bị TAND quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là Tái phạm theo quy định điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo phạm tội lần này trong thời gian thử thách của bản án số 83/2016/HSST ngày 15/4/2016 nên 36 tháng tù cho hưởng án treo sẽ chuyển thành 36 tháng tù giam tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và Tang vật của vụ án: Bố bị cáo là ông H đã bồi hoàn tiền cho chị Nguyễn Thị Hoài N; anh Hoàng Thọ V; anh Nguyễn Văn T1; chị Nguyễn Thị H6; chị Phạm Thị T2; chị Phạm Thu P; chị Đặng Thị T3; chị Vũ thị T4 và không ai yêu cầu gì thêm; số vàng, bạc anh H2, anh H5 mua của bị cáo nhưng bán cho khách không thu lại được ông C không yêu cầu bồi thường , nay tại phiên tòa ông khẳng định gia đình bị cáo đã bồi thường đủ cho ông, ông không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét nữa. Trả lại ông Võ Nguyên H chiếc xe mô tô BKS 30L6-0690 nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen xám; 01 đăng ký xe mô tô số 010006 cấp cho BKS 30L6-0690 mang tên Nguyễn Thượng H vì xe ông mua qua xác minh không thuộc diện xe vật chứng và H lấy đi phạm tội ông không biết. Trả lại Võ Anh H 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc có gắn mặt trang trí màu xanh lục và số tiền 2.920.000 đ đã thu của H do bán tài sản trộm cắp tiêu dùng còn lại nhưng ông C không yêu cầu bồi hoàn nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Tịch thu cho tiêu hủy 01 đoạn tre, 06 viên gạch đỏ; 01 ba lô màu đen, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi găng tay y tế. (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ngày 04/11/2019).

[5]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, ông H, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Đinh Văn H2, Nguyễn Thị Hoài N; Hoàng Thọ V; Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn H5; Nguyễn Thị H6; Phạm Thị T2; Phạm Thu P; Đặng Thị T3; Vũ Thị T4; được xác định lại là người làm chứng trong vụ án nên không tuyên quyền kháng cáo đối với họ là phù hợp thực tiễn pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố Võ Anh H phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt Võ Anh H 04 năm 06 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích của bản án số 83/2016/HSST ngày 15/4/2016 của TAND quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội buộc Võ Anh H chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2019.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu cho tiêu hủy 01 đoạn tre, 06 viên gạch đỏ; 01 ba lô màu đen, 01 mũ bảo hiểm, 01 đôi găng tay y tế. Trả lại ông Võ Nguyên H chiếc xe mô tô BKS 30L6-0690 nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen xám; 01 đăng ký xe mô tô số 010006 cấp cho BKS 30L6-0690 mang tên Nguyễn Thượng H; Trả lại Võ Anh H 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc có gắn mặt trang trí màu xanh lục và số tiền 2.920.000 đ đã thu của H do bán tài sản trộm cắp tiêu dùng còn lại ông C không yêu cầu bồi thường nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ngày 04/11/2019).

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, ông Võ Nguyên H, ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Nam Định;
-VKSND tỉnh+huyện;
-Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
-Công an huyện Xuân Trường;
-UBND xã X;
-Bị cáo; Bị hại; chị H;
-Ông Võ Nguyên H;
-Lưu HS+VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh